

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 58

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là một doanh nghiệp Nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là:

- ▶ kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng và các loại sản phẩm từ xi măng;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Khải	Chủ tịch	
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên	
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	
Ông Bùi Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Tổng Giám đốc	Thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 và chính thức bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Tổng Giám đốc	Tạm ngừng thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 và chính thức miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2017
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cái Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2017
Bà Trần Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 7 tháng 8 năm 2017 là Ông Trần Việt Thắng và từ ngày 8 tháng 8 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61140097/19317313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.989.767.404.850	1.459.244.258.571
110	I. Tiền	4	1.192.849.421.409	765.667.814.453
111	1. Tiền		1.192.849.421.409	765.667.814.453
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.788.786.207.538	683.389.905.495
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	259.521.011.191	272.689.029.763
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	80.929.561.203	82.582.030.140
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.156.202.416.991	60.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	314.078.141.231	272.039.389.736
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(21.944.923.078)	(3.920.544.144)
140	III. Hàng tồn kho		13.626.601	6.526.601
141	1. Hàng tồn kho		13.626.601	6.526.601
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		8.118.149.302	10.180.012.022
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	8.118.149.302	10.180.012.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.144.530.458.575	12.601.985.976.068
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		522.439.214.446	1.199.568.573.607
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	522.439.214.446	1.199.568.573.607
220	II. Tài sản cố định		389.108.178.706	390.811.422.211
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11.922.411.052	11.501.272.227
222	Nguyên giá		74.561.076.149	72.042.819.094
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(62.638.665.097)	(60.541.546.867)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	377.185.767.654	379.310.149.984
228	Nguyên giá		392.776.958.622	392.732.580.822
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.591.190.968)	(13.422.430.838)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		876.681.214.603	870.212.282.380
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	876.681.214.603	870.212.282.380
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	10.341.372.857.412	10.126.136.978.462
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.814.982.548.883	9.818.384.768.883
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		342.169.399.950	345.011.150.561
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.821.730.494.815)	(2.043.210.344.376)
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.928.993.408	15.256.719.408
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.928.993.408	15.256.719.408
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.134.297.863.425	14.061.230.234.639

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		585.859.753.219	450.540.863.313
310	I. Nợ ngắn hạn		585.859.753.219	450.540.863.313
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	204.394.362.549	181.507.446.034
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	7.795.004.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	138.588.507.533	67.371.101.292
314	4. Phải trả người lao động		46.312.004.664	50.086.992.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	21.503.028.294	21.387.383.628
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		206.321.364	1.077.806.364
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	91.682.362.222	66.332.119.240
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	17	66.406.880.665	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	16.766.285.928	54.983.009.791
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.548.438.110.206	13.610.689.371.326
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	14.548.288.110.206	13.610.689.371.326
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		14.002.562.754.843	13.005.964.974.843
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		97.859.545.560	97.859.545.560
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		447.865.809.803	506.864.850.923
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		150.000.000	-
431	1. Nguồn kinh phí		150.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.134.297.863.425	14.061.230.234.639

Trịnh Thị Hương
Người lập

Phạm Đức Trung
Kế toán trưởng

Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	532.703.598.571	671.323.043.410
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	532.703.598.571	671.323.043.410
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(301.197.151.369)	(315.446.082.182)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		231.506.447.202	355.876.961.228
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.001.908.747.703	650.305.890.480
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(782.174.879.695) (17.506.899)	(538.799.543.588) -
25	8. Chi phí bán hàng		(158.318.444)	(166.618.821)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(225.010.649.046)	(197.795.971.457)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.226.071.347.720	269.420.717.842
31	11. Thu nhập khác	25	178.861.887.947	1.335.238.221
32	12. Chi phí khác	25	(1.437.439.399)	(5.651.885.993)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	25	177.424.448.548	(4.316.647.772)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.403.495.796.268	265.104.070.070
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.403.495.796.268	265.104.070.070

Trịnh Thị Hương
Người lập

Phạm Đức Trung
Kế toán trưởng

Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.403.495.796.268	265.104.070.070
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định		5.550.752.267	6.412.911.691
03	Các khoản dự phòng		796.544.529.373	517.608.627.058
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.106.856.983	(9.423.462.254)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.998.255.036.662)	(677.874.696.710)
06	Chi phí lãi vay		17.506.899	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		208.460.405.128	101.827.449.855
09	Giảm các khoản phải thu		34.585.060.207	65.940.370.177
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(7.100.000)	4.931.201
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(811.132.383)	(30.028.271.187)
12	Giảm chi phí trả trước		327.726.000	255.913.727
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		150.000.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.045.619.463)	(13.097.022.682)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		191.659.339.489	124.903.371.091
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.246.803.255)	(53.710.630.510)
23	Tiền chi cho vay		(1.039.073.057.830)	(772.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, thu hồi quỹ ủy thác đầu tư		620.000.000.000	4.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(480.047.780.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.154.512.485	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.940.930.740.901	800.003.597.501
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.043.717.612.301	(21.707.033.009)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		124.073.057.830	53.165.606.773
34	Tiền trả nợ gốc vay		(57.870.640.839)	(728.174.792.834)
36	Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước		(873.495.368.516)	(167.447.937.828)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(807.292.951.525)	(842.457.123.889)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		428.084.000.265	(739.260.785.807)
60	Tiền đầu năm		765.667.814.453	1.495.505.138.006
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(902.393.309)	9.423.462.254
70	Tiền cuối năm	4	1.192.849.421.409	765.667.814.453

Trịnh Thị Hương
Người lập

Phạm Đức Trung
Kế toán trưởng

Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là một doanh nghiệp Nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là:

- kinh doanh xi măng, vật liệu xây dựng và các loại sản phẩm từ xi măng;
- đầu tư các dự án xây dựng;
- lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 378 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 390 người).

Cơ cấu tổ chức

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Ban Quản lý Vicem;
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung Đồng Hới, Quỳnh Lưu, Nghệ An; và
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

Các công ty con là công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn:

- Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng;
- Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch; và
- Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các công ty con là công ty cổ phần như sau:

Các công ty con sở hữu trực tiếp:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích trực tiếp</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết trong Hội đồng Quản trị</i>
1. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Số 360 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	79,7%	79,7%
2. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	77,00%	77,00%
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	79,51%	79,51%
4. Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	73,15%	73,15%
5. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	80,79%	80,79%
6. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	73,80%	73,80%
7. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Số 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	75,75%	75,75%
8. Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Số 21B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội	62,95%	62,95%
9. Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Số 1 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	63,63%	63,63%
10. Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	KM số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%
11. Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	65,81%	65,81%
12. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	51,21%	51,21%
13. Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Số 348 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	59,64%	59,64%
14. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Số 290 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	53,86%	53,86%
15. Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	51,61%	51,61%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con sở hữu gián tiếp:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	Tỷ lệ biểu quyết trong Hội đồng Quản trị
1. Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Phường Ba Đình – thị xã Bỉm Sơn – tỉnh Thanh Hóa	56,18%	76,80%
2. Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Lô 25C, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	65,76%	100%
3. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (tên trước đây là: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ)	Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	51,90%	89,00%
4. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức	Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	32,55%	65,00%

Các công ty này được Tổng Công ty nắm giữ gián tiếp qua các công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã lập báo cáo tài chính riêng này cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Tổng Công ty. Tổng Công ty hiện cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Theo Quyết định số 841/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 1 tháng 6 năm 2011 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Vicem là công ty mẹ trong Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có các đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam*

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng Công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng do Tổng Công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các năm tài chính trước không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam cho cùng kỳ tài chính.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả các báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hợp...,), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện v.v.. giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với nhau được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.3 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là Nhật ký chung.

2.5 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc áp dụng cho việc lập báo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được lập bằng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng lô đất ký hiệu 10E6 tại khu Đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích 8.476m² được giao trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 1 tháng 11 năm 2010 theo Quyết định số 5386/QĐ-UBND do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 1 năm 2010 nhằm mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản lợi nhuận được điều chuyển từ các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn về Tổng Công ty theo các quyết định của Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty, cũng như các khoản cổ tức được chia từ công ty con là công ty cổ phần sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận là doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Chi phí lương

Chi phí lương trong năm tài chính 2017 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành ngày 1 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức bằng tiền

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam áp dụng hướng dẫn theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, đối với cổ phiếu nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) hoặc không phải do chia cổ tức (cổ phiếu thưởng), Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được, ghi sổ và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	899.569.640	910.725.746
Tiền gửi ngân hàng	1.191.949.851.769	764.757.088.707
TỔNG CỘNG	1.192.849.421.409	765.667.814.453

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	7.058.473.475	1.435.704.475
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	252.462.537.716	271.253.325.288
TỔNG CỘNG	259.521.011.191	272.689.029.763
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.944.923.078)	(3.920.544.144)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	20.996.095.271	20.996.095.271
Trả trước cho người bán khác	3.216.660.049	4.869.128.986
TỔNG CỘNG	80.929.561.203	82.582.030.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn (i)		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	590.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	66.202.416.991	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.156.202.416.991	60.000.000.000
Dài hạn (ii)		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	186.000.000.000	736.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Sông Thao	122.870.640.839	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	17.568.573.607	17.568.573.607
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn	196.000.000.000	246.000.000.000
TỔNG CỘNG	522.439.214.446	1.199.568.573.607

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bao gồm:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	590.000.000.000		Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018	5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn	50.000.000.000		Ngày 14 tháng 12 năm 2018 và ngày 25 tháng 10 năm 2018	6,5%/năm	Không
Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Vicem Hải Phòng	200.000.000.000		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	5,5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	150.000.000.000		Ngày 4 tháng 9 năm 2018	5,5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	100.000.000.000		Ngày 21 tháng 6 năm 2018	5%/Năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	66.202.416.991	2.920.909,64	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018	Từ 0,98% đến 5,05%/năm	Không

TỔNG CỘNG
1.156.202.416.991

(ii) Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bao gồm:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	186.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	122.870.640.839	Ngày 5 tháng 4 năm 2019 và ngày 28 tháng 12 năm 2019	6,5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn	196.000.000.000	Quý 2 năm 2019 và quý 3 năm 2019	6,5%/năm	Không
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	17.568.573.607	Ngày 25 tháng 4 năm 2020	7%/năm	Không

TỔNG CỘNG
522.439.214.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu lợi nhuận, cổ tức được chia	226.580.128.290	195.033.494.445
Phải thu lãi cho vay	74.075.934.072	48.280.765.257
Phải thu Nhà nước về chi phí cổ phần hóa	10.006.238.218	9.049.283.218
Tạm ứng cho nhân viên	800.991.124	1.088.344.856
Phải thu các đơn vị thành viên phí bản quyền Oracle	-	6.350.296.364
Phải thu các đơn vị thành viên tiền hỗ trợ huyện nghèo	-	200.000.000
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	-	338.051.101
Phải thu khác	2.614.849.527	11.699.154.495
TỔNG CỘNG	314.078.141.231	272.039.389.736
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	20.226.810.869	24.678.356.982
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	293.851.330.362	247.361.032.754

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

		Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						Tổng cộng
Số đầu năm		31.091.857.610	2.342.064.920	21.801.957.731	16.806.938.833	72.042.819.094
- Mua trong năm		-	-	2.518.257.055	-	2.518.257.055
Số cuối năm		31.091.857.610	2.342.064.920	24.320.214.786	16.806.938.833	74.561.076.149
Trong đó:						
Đã khấu hao hết		18.266.740.592	1.271.999.320	17.591.672.176	15.852.671.160	52.983.083.248
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm		23.329.440.344	1.651.560.839	19.680.315.403	15.880.230.281	60.541.546.867
- Khấu hao trong năm		257.931.552	477.137.669	699.044.372	663.004.637	2.097.118.230
Số cuối năm		23.587.371.896	2.128.698.508	20.379.359.775	16.543.234.918	62.638.665.097
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm		7.762.417.266	690.504.081	2.121.642.328	926.708.552	11.501.272.227
Số cuối năm		7.504.485.714	213.366.412	3.940.855.011	263.703.915	11.922.411.052

(*) Nguyên giá tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5,8 tỷ VND (đã khấu hao hết) và được Tổng Công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng Công ty sẽ xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	374.116.278.348	14.321.247.874	4.295.054.600	392.732.580.822
- Mua trong năm	-	44.377.800	-	44.377.800
Số cuối năm	374.116.278.348	14.365.625.674	4.295.054.600	392.776.958.622
Trong đó				
Đã hao mòn hết	-	9.732.247.886	4.148.404.600	13.880.652.486
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	9.261.805.405	4.160.625.433	13.422.430.838
- Hao mòn trong năm	-	2.119.876.798	48.883.332	2.168.760.130
Số cuối năm	-	11.381.682.203	4.209.508.765	15.591.190.968
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	374.116.278.348	5.059.442.469	134.429.167	379.310.149.984
Số cuối năm	374.116.278.348	2.983.943.471	85.545.835	377.185.767.654

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Thuyết minh số 3.5). Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (Thuyết minh số 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (i)	768.282.111.840	763.629.782.675
Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.081.866.273	60.081.866.273
Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung (iii)	44.400.764.593	42.584.161.535
Chi phí khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.283.961.818	2.283.961.818
Khác	1.632.510.079	1.632.510.079
TỔNG CỘNG	876.681.214.603	870.212.282.380

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem được triển khai theo Quyết định phê duyệt số 2208/QĐ-XMVN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.482 tỷ VND. Dự án này dự kiến được hoàn thành và đưa vào sử dụng vào Quý III năm 2018 căn cứ theo Quyết định số 1557/QĐ-Vicem ngày 6 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phê duyệt việc điều chỉnh tổng tiến độ (lần 2) của dự án.

Bên cạnh đó, để thực hiện đúng theo ý kiến chỉ đạo chung của Chính phủ về việc thoái vốn đầu tư đối với các lĩnh vực ngoài ngành cũng như tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, vào ngày 2 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 398/VICEM-HĐTV đến Bộ Xây dựng để báo cáo và xin ý kiến về việc:

- Tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ dự án Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem; và
- Thuê hoặc mua lại một phần diện tích tòa nhà của dự án để làm trụ sở văn phòng mới của Tổng Công ty.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 2243/VPVP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang chờ ý kiến chính thức từ Bộ Xây dựng về việc chuyển nhượng dự án này.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp Vĩnh Tuy được triển khai theo Quyết định số 1000/QĐ-XMVN được ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 4 tháng 7 năm 2012, với tổng mức đầu tư là 6,5 nghìn tỷ VND. Vào ngày 27 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu Đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Dự án chưa được cấp Giấy phép Đầu tư Xây dựng.

Vào ngày 7 tháng 3 năm 2018, Tổng Giám đốc Tổng Công ty ban hành Quyết định số 333/QĐ-VICEM phê duyệt thành lập Tổ rà soát, đánh giá và đề xuất phương án đối với Dự án Khu Tổng hợp Vĩnh Tuy. Theo đó, Tổ rà soát có nhiệm vụ xử lý các tồn tại, đồng thời chọn phương án đầu tư hiệu quả, phù hợp với quá trình tái cấu trúc và cổ phần hóa Vicem. Cụ thể:

- Rà soát, đánh giá Dự án đề trình Bộ Xây dựng việc thực hiện thủ tục dừng, không triển khai dự án Khu Tổng hợp Vĩnh Tuy theo đúng quy định về Điều lệ tổ chức, hoạt động của Vicem và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, trong đó khiến nghị xử lý các tồn tại tài chính hiện nay của Dự án; và
- Trình Bộ Xây dựng và các cấp có thẩm quyền phương án chuyển đổi Dự án và/hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các nội dung công việc nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ban hành bởi Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ngày 9 tháng 6 năm 2010 với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 819 tỷ VND.
- (iv) Dự án khảo sát, lập dự án khu cảng Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM do Hội đồng Thành viên Tổng Công ty ban hành ngày 4 tháng 4 năm 2016, với tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ VND.

Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 1834/NQ-Vicem ngày 8 tháng 9 năm 2016, các dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung và cảng Đông Hồi đã được Hội đồng Thành viên Tổng Công ty chấp thuận, chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để tiếp tục thực hiện đầu tư. Trong năm 2017, Tổng Công ty đã có các văn bản gửi UBND tỉnh Nghệ An báo cáo tình hình triển khai thực hiện đầu tư dự án của Vicem trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng như đề nghị UBND tỉnh Nghệ An:

- ▶ Chấp thuận chủ trương để Vicem chuyển nhượng các dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và cảng Đông Hồi cho Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai để tiếp tục đầu tư đồng bộ với Dự án Xi măng Hoàng Mai 2; và
- ▶ Xem xét gia hạn thời gian thực hiện dự án Nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi để Tổng Công ty thực hiện các thủ tục chuyển nhượng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để hoàn thành các nội dung nêu trên.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.1)	10.814.982.548.883	(2.771.067.498.439)	8.043.915.050.444	9.818.384.768.883	(1.992.014.868.995)	7.826.369.899.888
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 11.2)	2.005.951.403.394	(10.800.000.000)	1.995.151.403.394	2.005.951.403.394	(11.040.000.000)	1.994.911.403.394
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	342.169.399.950	(39.862.996.376)	302.306.403.574	345.011.150.561	(40.155.475.381)	304.855.675.180
TỔNG CỘNG	13.163.103.352.227	(2.821.730.494.815)	10.341.372.857.412	12.169.347.322.838	(2.043.210.344.376)	10.126.136.978.462

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	100,00	100,00	1.323.625.122.434	-	1.323.625.122.434	100,00	100,00	1.323.625.122.434	-	1.323.625.122.434
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	100,00	100,00	1.132.027.198.900	(1.060.480.664.823)	71.546.534.077	100,00	100,00	1.132.027.198.900	(1.063.526.798.426)	68.500.400.474
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	100,00	100,00	1.021.101.622.719	(237.503.232.295)	783.598.390.424	100,00	100,00	1.021.101.622.719	(282.725.170.569)	738.376.452.150
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	79,70	79,70	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	79,70	79,70	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên (i)	77,00	77,00	1.125.810.680.000	(1.125.810.680.000)	-	65,76	65,76	645.762.900.000	(645.762.900.000)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	79,51	79,51	898.556.152.000	-	898.556.152.000	79,51	79,51	898.556.152.000	-	898.556.152.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	73,15	73,15	733.291.747.950	-	733.291.747.950	73,15	73,15	733.291.747.950	-	733.291.747.950
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (ii)	80,79	80,79	516.550.000.000	(347.272.921.321)	169.277.078.679	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	73,80	73,80	510.918.000.000	-	510.918.000.000	73,80	73,80	510.918.000.000	-	510.918.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	75,75	75,75	314.637.600.000	-	314.637.600.000	75,75	75,75	314.637.600.000	-	314.637.600.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	62,95	62,95	279.365.401.780	-	279.365.401.780	62,95	62,95	279.365.401.780	-	279.365.401.780
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (iii)	63,63	63,63	120.000.000.000	-	120.000.000.000	63,63	63,63	120.000.000.000	-	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	50,08	50,08	92.096.300.000	-	92.096.300.000	50,08	50,08	92.096.300.000	-	92.096.300.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	65,81	65,81	65.147.000.000	-	65.147.000.000	65,81	65,81	65.147.000.000	-	65.147.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	51,21	51,21	41.990.150.000	-	41.990.150.000	51,21	51,21	41.990.150.000	-	41.990.150.000
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	59,64	59,64	35.786.140.000	-	35.786.140.000	59,64	59,64	35.786.140.000	-	35.786.140.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	53,86	53,86	16.290.600.000	-	16.290.600.000	53,86	53,86	16.290.600.000	-	16.290.600.000
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	51,61	51,61	3.354.500.000	-	3.354.500.000	51,61	51,61	3.354.500.000	-	3.354.500.000
TỔNG CỘNG			10.814.982.548.883	(2.771.067.498.439)	8.043.915.050.444			9.818.384.768.883	(1.992.014.868.995)	7.826.369.899.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Văn bản số 83/BXD-QLDN ngày 28 tháng 6 năm 2017, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long bằng hình thức phát hành bổ sung cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Phương án tăng vốn điều lệ này sau đó đã được chấp thuận theo Công văn số 2749/VPCP-ĐMDN ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 139/BXD-QLDN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

Theo đó, vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 48.004.778 cổ phần phát hành đợt 1 của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với giá mua là 480.047.780.000 VND, và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con này lên thành 77%.

- (ii) Căn cứ theo Văn bản số 147/TB-VPCP ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu, Phó Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (tên trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao) về Tổng Công ty. Căn cứ theo văn bản này, vào ngày 27 tháng 4 năm 2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 376/QĐ-BXD về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về Tổng Công ty theo hình thức ghi tăng - ghi giảm vốn với số lượng cổ phần được chuyển giao là 5.165.500 cổ phần (516.550.000.000 VND), tương ứng với 80,79% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao. Theo đó, Tổng Công ty đã chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2017 sau khi Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao hoàn tất việc chuyển đổi và đăng ký cổ phần được chuyển giao cho Tổng Công ty.

- (iii) Theo Thông báo số 72/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 3 năm 2015 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Dự án Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng hiện đang được Tổng Công ty giao cho Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng thực hiện triển khai, Chính phủ đã thống nhất chủ trương về việc Tổng Công ty không tiếp tục thực hiện Dự án Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng và bàn giao lại khu đất của Dự án này cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng trong năm 2015. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng sẽ được hoàn trả các khoản chi phí đã chi trả trong quá trình thực hiện và triển khai Dự án này (tương ứng với số tiền vốn góp vào Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng).

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã chính thức bàn giao mặt bằng dự án này cho UBND thành phố Hải Phòng và đề nghị UBND thành phố Hải Phòng xem xét hoàn trả giá trị đầu tư của dự án tại Văn bản số 37/ĐTXM-TCKT ngày 7 tháng 7 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng số tiền hoàn trả giá trị đầu tư mà Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã nhận được là 137,2 tỷ VND. Đối với phần giá trị đầu tư còn lại là 151,7 tỷ VND, UBND thành phố Hải Phòng đã đề nghị Chủ đầu tư mới là Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần làm việc với Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng để thống nhất mức hoàn trả. Sau khi đánh giá các chi phí được đề nghị hoàn trả, Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần đã chấp thuận thanh toán số tiền là 60,3 tỷ VND theo Công văn số 816.1/2017/CV-VGR-TCKT ngày 23 tháng 10 năm 2017. Số tiền này sẽ được chuyển cho Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng sau khi hai bên ký Văn bản thỏa thuận. Tổng Công ty, Công ty cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng và Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần đang tiếp tục thương thảo để ký Văn bản thỏa thuận.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng cũng đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể như được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2017.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm				Số đầu năm (Trình bày lại)				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty Xi măng Nghi Sơn	35,00	35,00	872.610.611.500	-	872.610.611.500	35,00	872.610.611.500	-	872.610.611.500
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) (tên trước đây là Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam)	35,00	35,00	814.863.899.899	-	814.863.899.899	35,00	814.863.899.899	-	814.863.899.899
Công ty Xi măng Chinfon	14,44	14,44	194.035.068.000	-	194.035.068.000	14,44	194.035.068.000	-	194.035.068.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	48,17	48,17	36.611.500.000	-	36.611.500.000	48,17	36.611.500.000	-	36.611.500.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	34,29	34,29	22.634.323.995	-	22.634.323.995	34,29	22.634.323.995	-	22.634.323.995
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	49,00	49,00	18.620.000.000	-	18.620.000.000	49,00	18.620.000.000	-	18.620.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	38,45	38,45	15.380.500.000	-	15.380.500.000	38,45	15.380.500.000	-	15.380.500.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	49,00	49,00	14.754.500.000	-	14.754.500.000	49,00	14.754.500.000	-	14.754.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	24,00	24,00	12.000.000.000	(10.800.000.000)	1.200.000.000	24,00	12.000.000.000	(11.040.000.000)	960.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Hoàng Thạch	27,76	27,76	4.441.000.000	-	4.441.000.000	27,76	4.441.000.000	-	4.441.000.000
TỔNG CỘNG			2.005.951.403.394	(10.800.000.000)	1.995.151.403.394		2.005.951.403.394	(11.040.000.000)	1.994.911.403.394

(*) Vào ngày 10 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 1658/Vicem-HĐTV tới Bộ Xây dựng đề nghị phê duyệt phương án thoái vốn tại đơn vị này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang chờ ý kiến phê duyệt chính thức từ Bộ Xây dựng về phương án thoái vốn tại đơn vị này.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (i)	97.543.511.250	-	97.543.511.250	97.543.511.250	-	97.543.511.250	
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie (i)	105.000.000.000	(1.057.427.281)	103.942.572.719	105.000.000.000	-	105.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie (i)	96.000.000.000	(283.229.395)	95.716.770.605	96.000.000.000	-	96.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (i)	43.625.888.700	(38.522.339.700)	5.103.549.000	43.625.888.700	(40.155.475.381)	3.470.413.319	
Đầu tư góp vốn đóng mới và kinh doanh tàu Hải Phòng 27	-	-	-	2.841.750.611	-	2.841.750.611	
TỔNG CỘNG	342.169.399.950	(39.862.996.376)	302.306.403.574	345.011.150.561	(40.155.475.381)	304.855.675.180	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	9.073.815	97.543.511.250	9.073.815	97.543.511.250
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie (*)	10.500.000	105.000.000.000	10.500.000	105.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie (*)	9.600.000	96.000.000.000	9.600.000	96.000.000.000
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (*)	3.402.366	43.625.888.700	3.402.366	43.625.888.700
TỔNG CỘNG	32.576.181	342.169.399.950	32.576.181	342.169.399.950

(*) Tổng Công ty đã góp vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Kratie, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie và Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai với tỷ lệ vốn điều lệ được nắm giữ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại các công ty này lần lượt là 12,47%, 11,90% và 12,5%.

Theo Quyết định số 1013/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tái cơ cấu tài chính và các khoản đầu tư của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại các đơn vị nêu trên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 1738/BXD-QLDN về việc xây dựng phương án chuyển giao phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC), trong đó yêu cầu Tổng Công ty phối hợp với SCIC sớm hoàn thiện phương án chuyển giao. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Tổng Công ty đã có Văn bản số 2372/Vicem-TCKT ngày 27 tháng 10 năm 2017, kèm theo Dự thảo phương án chuyển giao gửi SCIC để xin ý kiến trước khi trình lên Bộ Xây dựng. Vào ngày 19 tháng 12 năm 2017, SCIC đã gửi Văn bản số 2586/ĐTKDV-ĐT2 và thông báo việc quyền đại diện chủ sở hữu vốn đầu tư của Tổng Công ty tại 2 công ty trên không thuộc đối tượng chuyển giao về SCIC theo Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 1 tháng 11 năm 2013. Sau đó, Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 240/Vicem-HĐTV ngày 12 tháng 2 năm 2018 để xin ý kiến Bộ Xây dựng về những vướng mắc này.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 1660/Vicem-HĐTV ngày 10 tháng 8 năm 2015 tới Bộ Xây dựng đề nghị phê duyệt phương án thoái vốn tại đơn vị này. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang chờ ý kiến phê duyệt chính thức từ Bộ Xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước tiền thuê đất dự án nhà máy Kết cấu bê tông – Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hội	13.955.665.000	14.283.391.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	973.328.408	973.328.408
TỔNG CỘNG	14.928.993.408	15.256.719.408

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	41.285.427.873	41.285.427.873	79.367.169.730	79.367.169.730
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	11.221.720.607	11.221.720.607	33.888.522.209	33.888.522.209
- Phải trả đối tượng khác	4.873.313.074	4.873.313.074	20.288.253.329	20.288.253.329
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	163.108.934.676	163.108.934.676	102.140.276.304	102.140.276.304
TỔNG CỘNG	204.394.362.549	204.394.362.549	181.507.446.034	181.507.446.034

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cần trừ trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
Phải nộp				
Lợi nhuận phải trả về Ngân sách Nhà nước	53.080.974.049	949.610.682.388	(873.495.368.516)	129.196.287.921
Thuế giá trị gia tăng	13.666.633.303	20.166.774.772	(26.009.079.975)	7.824.328.100
Thuế thu nhập cá nhân	623.493.940	17.132.776.807	(16.191.145.040)	1.565.125.707
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.770.571.880	(7.767.806.075)	2.765.805
TỔNG CỘNG	67.371.101.292	994.680.805.847	(923.463.399.606)	138.588.507.533
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	8.095.621.635	-	-	8.095.621.635
Thuế xuất khẩu nộp thừa	2.061.862.720	(2.061.862.720)	-	-
Các khoản phải thu Nhà nước khác	22.527.667	(103.441.371)	103.441.371	22.527.667
TỔNG CỘNG	10.180.012.022	(2.165.304.091)	103.441.371	8.118.149.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	19.417.401.031	18.070.240.240
Phải trả cho nhà thầu phụ của CCID	-	539.784.273
Phải trả khác	2.085.627.263	2.777.359.115
TỔNG CỘNG	21.503.028.294	21.387.383.628

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ ủng hộ công tác xã hội và từ thiện nhân đạo (*)	33.753.328.676	34.365.395.212
Phải trả kinh phí hỗ trợ huyện nghèo	17.173.011.125	21.109.836.940
Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên (**)	18.090.201.830	-
Lãi vay trả hộ	4.014.801.493	-
Phải trả kinh phí hỗ trợ miền Tây Nam Bộ	3.507.607.822	6.425.557.824
Kinh phí công đoàn	393.982	86.485.349
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.143.017.294	4.344.843.915
TỔNG CỘNG	91.682.362.222	66.332.119.240

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác	80.170.308.222	64.810.119.240
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.512.054.000	1.522.000.000

(*) Đây là các quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng Công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên gặp khó khăn và các hoạt động từ thiện xã hội khác được đóng góp bởi cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(**) Ngày 5 tháng 6 năm 2017, Công đoàn Cơ quan của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 22/CV-CĐCQVICEM phê duyệt phương án phân chia số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, là ngày 1 tháng 1 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả tiền Quỹ Khen thưởng, phúc lợi trong năm. Số dư còn lại chưa được chi trả của Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trước ngày 1 tháng 1 năm 2017 được kết chuyển sang khoản mục Phải trả khác. (Thuyết minh số 18).

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay Bộ Tài chính	-	-	124.277.521.504	(57.870.640.839)	66.406.880.665	66.406.880.665	
TỔNG CỘNG	-	-	124.277.521.504	(57.870.640.839)	66.406.880.665	66.406.880.665	

Chi tiết khoản vay ngân hạn được trình bày như sau:

Quý tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài Chính – Hợp đồng vay nhận nợ từ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (*):

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Quý tích lũy - Bộ Tài Chính (*)	66.406.880.665	2.920.909,64	Trả gốc và lãi vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2018	Các khoản vay với lãi suất từ 0.98% đến 5.05%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	66.406.880.665	2.920.909,64			

(*) Theo phụ lục điều chỉnh các hợp đồng ứng vốn trả nợ nước ngoài từ Quý tích lũy – Bộ Tài chính số 01/2017/PLHĐ/QTL-XMST ngày 29 tháng 12 năm 2017 ký giữa Tổng Công ty, Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, nghĩa vụ trả nợ các khoản vay từ Quý Tích lũy – Bộ Tài chính cho dự án Xi măng Sông Thao trong giai đoạn 2013-2014 của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị sẽ được chuyển giao cho Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.983.009.791	36.892.807.962
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 19)	32.836.375.000	32.491.875.000
Sử dụng quỹ trong năm	(52.962.897.033)	(14.401.673.171)
Giảm khác (Thuyết minh số 16) (*)	(18.090.201.830)	-
Số cuối năm	<u>16.766.285.928</u>	<u>54.983.009.791</u>

(*) Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả Quỹ Khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết số 22/CV-CĐCQVICEM ngày 5 tháng 6 năm 2017 phê duyệt phương án phân chia số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Phần còn lại được phân loại sang Phải trả khác (Thuyết minh số 16).

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	12.360.202.074.843	97.859.545.560	427.333.629.902	-	12.885.395.250.305	
- Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	265.104.070.070	265.104.070.070	
- Nhận chuyển giao vốn Nhà nước	645.762.900.000	-	-	-	645.762.900.000	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Trình bày lại)	-	-	79.531.221.021	(79.531.221.021)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(32.491.875.000)	(32.491.875.000)	
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước (Trình bày lại)	-	-	-	(153.080.974.049)	(153.080.974.049)	
Số cuối năm (Trình bày lại)	13.005.964.974.843	97.859.545.560	506.864.850.923	-	13.610.689.371.326	
Năm nay						
Số đầu năm (Trình bày lại)	13.005.964.974.843	97.859.545.560	506.864.850.923	-	13.610.689.371.326	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.403.495.796.268	1.403.495.796.268	
- Nhận chuyển giao vốn Nhà nước (Thuyết minh số 11.1)	516.550.000.000	-	-	-	516.550.000.000	
- Tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển từ giao dịch góp thêm vốn vào công ty con (**)	480.047.780.000	-	(480.047.780.000)	-	-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	421.048.738.880	(421.048.738.880)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(32.836.375.000)	(32.836.375.000)	
- Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(949.610.682.388)	(949.610.682.388)	
Số cuối năm	14.002.562.754.843	97.859.545.560	447.865.809.803	-	14.548.288.110.206	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển và tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nhận được kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2017 do Bộ Xây dựng phê duyệt.

(**) Như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1, vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã sử dụng nguồn quỹ đầu tư phát triển để mua bổ sung 48.004.778 cổ phiếu phát hành đợt 1 của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với giá mua là 480.047.780.000 VND, và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long lên thành 77%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là 14.548 tỷ VND (trong đó bao gồm vốn nhận bàn giao từ việc chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long trong năm 2016 và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao trong năm 2017 với tổng số tiền là 1.162 tỷ VND) đã cao hơn mức vốn điều lệ được phê duyệt là 2.590 tỷ VND. Căn cứ theo Văn bản số 2749/VPCP-ĐMĐT ngày 12 tháng 9 năm 2017, Văn phòng Chính phủ đã thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý cho Tổng Công ty chưa phải nộp ngay khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của Tổng Công ty cho đến khi Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam hoàn thành công tác cổ phần hóa. Giá trị của khoản chênh lệch này sẽ được xác định lại và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	22.636.525	18.063.867
- Euro (EUR)	75.458	75.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	532.703.598.571	671.323.043.410
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	281.947.669.959	301.649.323.347
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	250.755.928.612	369.673.720.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	532.703.598.571	671.323.043.410
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.332.025.659	1.366.940.307
Doanh thu đối với các bên liên quan	531.371.572.912	669.956.103.103

(*) Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2017 bao gồm 234,6 tỷ VND phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý, phát triển thị trường; phí tư vấn quản trị doanh nghiệp; và phí sử dụng nhãn hiệu ký với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty.

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.914.412.918.425	589.467.111.845
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.245.552.608	47.934.029.469
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.652.640.889	12.019.952.786
Lãi chuyển nhượng vốn	1.597.635.781	884.796.380
TỔNG CỘNG	2.001.908.747.703	650.305.890.480

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	281.947.669.959	301.649.323.347
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.249.481.410	13.796.758.835
TỔNG CỘNG	301.197.151.369	315.446.082.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	828.661.357.996	649.793.400.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.892.982.018	5.109.180.375
Chi phí tài chính khác	1.744.240.339	264.542.977
Lãi tiền vay	17.506.899	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(50.141.207.557)	(116.367.580.063)
TỔNG CỘNG	782.174.879.695	538.799.543.588

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	125.655.952.661	123.213.227.067
Cấp kinh phí cho Viện Công nghệ Xi măng	12.898.000.000	11.237.450.000
Chi phí hội nghị, hội thảo, tiếp khách	14.016.116.133	11.950.902.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.832.804.747	37.564.268.672
Thuế, phí lệ phí	7.863.406.484	5.742.149.649
Khấu hao tài sản cố định	3.767.488.375	6.245.751.833
Chi phí hỗ trợ từ thiện	6.759.384.000	620.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	2.484.369.275	2.328.998.123
Chi phí quảng cáo	1.597.147.274	913.447.275
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	18.714.457.429	1.522.076.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.111.601.163	13.796.969.959
	225.700.727.541	215.135.241.359
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(690.078.495)	(17.339.269.902)
TỔNG CỘNG	225.010.649.046	197.795.971.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Thu nhập khác		
Khoản bồi hoàn của Tập đoàn LafargeHolcim (*)	178.384.000.000	-
Nợ không phải trả nhà cung cấp	-	1.085.812.960
Các khoản khác	477.887.947	249.425.261
	<u>178.861.887.947</u>	<u>1.335.238.221</u>
Chi phí khác		
Thuế GTGT không đủ điều kiện khấu trừ	606.927.094	127.308.009
Tiền chậm nộp thuế, phạt thuế, truy thu thuế	519.887.238	5.521.174.132
Các khoản khác	310.625.067	3.403.852
	<u>1.437.439.399</u>	<u>5.651.885.993</u>
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	<u>177.424.448.548</u>	<u>(4.316.647.772)</u>

(*) Đây là khoản bồi hoàn trị giá 8.000.000 CHF từ Tập đoàn LafargeHolcim ("LafargeHolcim") dựa theo Thư thỏa thuận giữa Tập đoàn LafargeHolcim và Tổng Công ty ngày 12 tháng 1 năm 2017 liên quan đến giao dịch chuyển nhượng 65% vốn cổ phần của Tập đoàn LafargeHolcim được đầu tư tại Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam (tên trước đây là Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam, một công ty liên doanh của Tổng Công ty) cho Công ty Siam City Cement Public Company Limited, một công ty được thành lập tại Thái Lan, với các điều kiện như sau:

- Tổng Công ty chính thức từ bỏ quyền ưu tiên mua trước của mình liên quan đến việc chuyển nhượng vốn sở hữu của Tập đoàn LafargeHolcim cho Công ty Siam City Cement Public Company Limited ; và
- Tổng Công ty ủng hộ hoàn toàn cho giao dịch chuyển nhượng vốn nói trên và cung cấp mọi sự hỗ trợ cần thiết trong quá trình hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng vốn.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí hàng hóa và dịch vụ mua ngoài	312.727.913.259	328.622.245.837
Chi phí nhân công	125.655.952.661	123.213.227.067
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.265.878.360	6.412.911.691
Chi phí khác	83.716.374.579	55.160.287.865
TỔNG CỘNG	<u>526.366.118.859</u>	<u>513.408.672.460</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.403.495.796.268	265.104.070.070
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.914.412.918.425)	(589.467.111.845)
Các chi phí không được khấu trừ	519.887.238	5.706.478.496
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm nay	(792.408.637)	(6.982.459.929)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm trước	6.982.459.929	120.195.537
Khoản điều chỉnh tăng thêm do điều chỉnh chi phí huyện nghèo	15.921.782	-
Lỗ điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	(504.191.261.845)	(325.518.827.671)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(8.095.621.635)	(8.095.621.635)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(8.095.621.635)	(8.095.621.635)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam có khoản lỗ lũy kế có thể được sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2013 (*)	2018	253.465.324.197	-	-	253.465.324.197
2014 (*)	2019	185.669.640.742	-	-	185.669.640.742
2015 (*)	2020	615.161.705.792	-	-	615.161.705.792
2016 (**)	2021	325.518.827.671	-	-	325.518.827.671
2017 (**)	2022	504.191.261.845	-	-	504.191.261.845
TỔNG CỘNG		1.884.006.760.247	-	-	1.884.006.760.247

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế hoặc được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tổng Công ty.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2017 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Cho vay(thu hồi) gốc vay	Tăng do góp vốn, nhận bán giao vốn (thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	9.393.532.966	10.628.836.616	11.000.000.002	-	157.653.448.722	-	-	-	Bán thạch cao 35.723.835.373
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	50.535.518.854	32.416.301.207	-	257.564.155.306	541.759.406.967	-	-	-	26.280.428.050
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	1.503.622.520	11.134.185.205	38.799.999.998	-	64.487.413.684	-	-	-	31.733.125.999
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	16.358.617.085	27.882.281.177	-	80.467.871.000	180.393.693.473	150.000.000.000	-	-	94.122.669.726
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	14.484.278.701	2.595.437.967	17.014.438.358	-	14.487.093.725	-	-	-	63.750.148.395
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	6.820.811.817	-	-	20.436.720.000	-	-	-	-	3.014.627.273
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	113.047.877.640	-	1.234.011.797	304.102.588.000	-	-	-	-	2.652.681.820
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	1.005.817.003	-	-	2.150.715.000	-	-	-	-	258.257.595.079
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	4.316.414.740	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	197.782.665	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	936.059.277	-	1.789.307.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	5.840.043.729	-	908.383.562	35.355.097.800	-	(20.000.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con	-	-	-	-	-	189.073.057.830	516.550.000.000	3.307.685.455	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2017 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Cho vay/(thu hồi) gốc vay	Tặng do góp vốn, nhận bàn giao vốn/(thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Bán thạch cao	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	500.087.000	-	-	2.793.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	411.756.018	-	-	2.057.666.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	6.081.688	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết	333.837.444	-	-	1.475.450.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	905.909.617	-	-	7.874.833.200	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh	-	-	-	124.713.226.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty liên doanh	4.681.503.270	-	-	714.353.951.119	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	350.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	393.332.920	-	-	888.200.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con	2.838.857.255	-	-	-	17.952.217.920	150.000.000.000	480.047.780.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết	-	-	-	7.322.300.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên	Công ty liên kết	-	-	-	307.610.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	101.297.322	-	-	760.228.000	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		234.613.039.531	84.657.042.172	68.956.833.717	1.914.412.918.425	976.733.274.491	469.073.057.830	996.597.780.000	267.232.589.627	258.257.595.079	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức / lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Cho vay dài hạn/ (thu hồi) gốc vay	Tặng do góp vốn, nhận bán giao vốn (thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Bán thạch cao
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	10.231.651.950	2.478.088.400	12.113.888.891	-	30.739.278.210	-	-	-	29.292.273.998
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	66.281.487.685	78.544.892.533	-	192.810.506.167	948.278.287.373	-	-	-	31.095.638.507
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	4.534.576.373	16.101.934.752	24.078.958.334	-	81.965.646.433	551.374.877.566	-	-	40.696.150.563
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	58.321.744.694	137.092.127.755	-	-	554.876.949.976	-	-	-	113.298.840.311
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	37.100.024.686	6.004.341.235	1.299.277.778	-	31.292.851.406	246.000.000.000	-	-	71.520.884.531
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	19.545.031.267	-	-	-	-	-	-	501.354.545	13.389.818.677
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	124.140.754.978	-	1.250.296.822	-	-	-	-	2.229.695.460	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	1.104.627.048	-	-	1.433.810.000	-	-	-	299.293.606.587	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	5.328.837.466	-	-	-	-	-	-	256.579.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	406.000.230	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	1.007.592.917	-	-	1.789.307.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vải Xi măng	Công ty con	4.891.592.404	-	2.412.000.000	23.570.065.200	-	4.000.000.000	-	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chi phí tư vấn	Cước vận chuyển, phí giám định trả hộ	Lãi vay ngắn hạn/dài hạn	Cổ tức/lợi nhuận được chia trong năm	Clinker, xi măng ủy thác xuất khẩu	Cho vay dài hạn/(thư hồi) gốc vay	Tặng do góp vốn, nhận bản giao vốn/(thoái vốn)	Mua bán hàng hóa	Bán thạch cao	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	495.972.000	-	-	2.234.400.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	600.269.131	-	-	2.469.199.200	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	86.220.311	-	-	543.020.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	8.794.206	-	-	268.360.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết	257.274.181	-	-	1.475.450.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	922.890.674	-	-	6.562.361.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Chínfôn	Công ty liên doanh	-	-	-	96.625.260.000	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty liên doanh	21.994.939.449	-	-	188.650.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh	-	-	-	66.847.550.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên	Công ty liên kết	-	-	-	1.076.635.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	479.399.263	-	-	888.200.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con	-	-	-	-	-	-	645.762.900.000	-	-	-
TỔNG CỘNG		357.739.680.913	240.221.384.675	41.154.421.825	587.244.123.567	1.647.153.013.398	801.374.877.566	654.442.900.000	302.281.236.092	299.293.606.587	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Tổng Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là: 21.239.553.528 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.833.917.669 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Theo hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2013 và hợp đồng tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các phụ lục điều chỉnh hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty sẽ thu khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng ký với các đơn vị thành viên. Theo đó, phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức và quản lý thị trường và phí tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp cho năm 2017 sẽ được xác định theo tỷ lệ từ 0,05% đến 0,85% doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker và doanh thu gia công xi măng không phân biệt tiêu thụ trong hay ngoài Vicem (năm 2016: tỷ lệ các loại phí nêu trên được xác định lần lượt là 0,1% đến 0,85% doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker và doanh thu gia công xi măng không phân biệt tiêu thụ trong hay ngoài Vicem).

Cũng trong năm 2017, Tổng Công ty đã ký hợp đồng ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với các đơn vị thành viên. Theo đó, phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho năm 2017 được xác định theo tỷ lệ là 0,05% đến 1% trên doanh thu thuần tiêu thụ xi măng sử dụng nhãn hiệu VICEM.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	5.796.738.161	200.000.000.000	-	-	28.436.451.066	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	-	-	-	217.975.396.290	67.752.056.525	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	34.221.222.968	590.000.000.000	186.000.000.000	56.971.156.119	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	17.968.342.123	150.000.000.000	-	1.989.041.096	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	91.359.512.523	50.000.000.000	196.000.000.000	8.475.205.480	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	6.656.409.291	-	-	-	11.047.983	3.208.990.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	64.153.398.418	-	17.568.573.607	309.977.025	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	894.560.824	-	-	-	66.657.161.182	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	21.860.345.013	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	1.826.644.041	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	427.877.973	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	3.166.919.132	-	-	-	-	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	595.507.200	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	150.344.372	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	62.602.367	-	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con	578.476.297	100.000.000.000	-	1.260.273.973	252.217.920	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con	-	66.202.416.991	122.870.640.839	5.070.280.379	-	3.638.454.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	4.361.996	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty con	1.565.181.459	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	496.683.114	-	-	-	-	-	-
Công ty Xi măng Chínfon	Công ty con	322.650.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty con	130.668.376	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	1.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	224.092.068	-	-	-	-	-	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem		-	-	-	-	-	4.664.610.000	-
TỔNG CỘNG		252.462.537.716	1.156.202.416.991	522.439.214.446	293.851.330.362	163.108.934.676	11.512.054.000	

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)	Đơn vị tính: VND
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con	43.797.840.934	-	200.000.000.000	20.434.722.224	-	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con	-	-	-	195.033.494.445	29.370.024.265	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con	42.910.468.843	40.000.000.000	736.000.000.000	22.589.927.438	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con	43.328.472.941	-	-	-	26.980.441.298	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con	37.367.190.337	-	246.000.000.000	1.299.277.778	90.512.111	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con	9.619.387.449	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con	71.581.704.648	-	17.568.573.607	314.282.261	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	Công ty con	764.294.532	-	-	-	45.699.298.630	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con	7.673.673.690	-	-	3.477.328.608	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con	2.674.183.200	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con	637.572.667	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Công ty con	3.005.201.697	20.000.000.000	-	2.412.000.000	-	-

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)	Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)	Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Công ty liên kết	272.292.900	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết	356.165.072	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con	49.790.870	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con	6.126.957	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Công ty con	477.046.020	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam (tên trước đây là Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam)	Công ty liên doanh	6.478.196.086	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	1.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết	253.716.445	-	-	-	-	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem		-	-	-	-	-	1.522.000.000
TỔNG CỘNG		271.253.325.288	60.000.000.000	1.199.568.573.607	247.361.032.754	102.140.276.304	1.522.000.000

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.357.779.118	7.906.707.467
Các phúc lợi khác	57.892.945	94.207.201
TỔNG CỘNG	8.415.672.063	8.000.914.668

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Bảo lãnh cho các khoản vay

Tổng Công ty bảo lãnh cho các khoản vay của các đơn vị thành viên với tổng giá trị nợ vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm chi tiết như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	164.413.138.269	172.193.741.153
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	361.260.525.442	336.884.572.038
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	131.164.875.407	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai – Kratie	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai	81.955.128.000	82.200.000.000
TỔNG CỘNG		738.793.667.118	591.278.313.191

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 502,2 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng “Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem”; “Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy” và công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xuất xi măng rời tới tuyến xuất thủy tại Nhà máy Xi măng Hạ Long.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM TRƯỚC

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo Thông báo kết quả kiểm toán của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 13 tháng 10 năm 2017 và sau khi thực hiện rà soát lại số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2016. Chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (được trình bày lại)
	Trình bày lại	(được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG		
Các khoản phải thu khác	311.628.148.752 (39.588.759.016)	272.039.389.736
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.043.978.441.194)	768.096.818 (2.043.210.344.376)
Phải trả người bán	182.593.258.994 (1.085.812.960)	181.507.446.034
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	93.785.495.759 (26.414.394.467)	67.371.101.292
Quỹ đầu tư phát triển	518.185.305.694 (11.320.454.771)	506.864.850.923

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Doanh thu hoạt động tài chính	689.894.649.496 (39.588.759.016)	650.305.890.480
Chi phí tài chính	(539.567.640.406)	768.096.818 (538.799.543.588)
Thu nhập khác	249.425.261 1.085.812.960	1.335.238.221
Tổng lợi nhuận trước thuế	302.838.919.308 (37.734.849.238)	265.104.070.070
Lợi nhuận sau thuế TNDN	302.838.919.308 (37.734.849.238)	265.104.070.070

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tổng lợi nhuận trước thuế	302.838.919.308 (37.734.849.238)	265.104.070.070
Các khoản dự phòng	518.376.723.876 (768.096.818)	517.608.627.058
Tăng các khoản phải thu	26.351.611.161 39.588.759.016	65.940.370.177
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(28.942.458.227) (1.085.812.960)	(30.028.271.187)

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

Trịnh Thị Hương
Người lập

Phạm Đức Trung
Kế toán trưởng

Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018